

Bản án số: 143/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 30/5/2022  
V/v: “Tranh chấp ly hôn, con chung”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy.  
**Các Hội thẩm nhân dân:**  
1. Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.  
2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Cán bộ hội liên hiệp phụ nữ Thành phố B.  
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.  
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Ông Mai Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B - tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 237/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1984.**  
Địa chỉ: Tổ XX, khu phố 3A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.  
- **Bị đơn: Ông Nguyễn Quang N, sinh năm 1970.**  
Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Tổ 6 (nay là tổ 7), khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.  
(Bà N có đơn xin vắng mặt, ông N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2005 ngày 28/7/2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau một thời gian thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong vấn đề cuộc sống, đến năm 2011 thì ông N bán nhà và đi khỏi địa phương. Sau khi ông N bỏ đi bà đã tìm kiếm bằng nhiều biện pháp nhưng không có kết quả, sau đó bà đã nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B tuyên bố ông N mất tích vào ngày 04/11/2021. Từ đó đến nay bà vẫn không có tin tức gì của ông N.

Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, xác định không còn tình cảm nên bà xin được ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Bùi Anh V, sinh ngày 26/10/2005. Ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu V. Không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***\* Bị đơn ông Nguyễn Quang N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có bản tự khai nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông N.***

#### ***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:***

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét cuộc sống vợ chồng của bà N, ông N không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà N yêu cầu ly hôn với ông N là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Bùi Anh V, sinh ngày 26/10/2005 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông N nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Bà Bùi Thị N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Quang N. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”; Bà Bùi Thị N là nguyên đơn, ông Nguyễn Quang N là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Bùi Thị N nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Quang N có địa chỉ cư trú cuối cùng trước khi biệt tích là: Tổ 6 (nay là tổ 7), khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông N đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông N theo quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Quang N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2005 ngày 28/7/2005 nên áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau một thời gian thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong vấn đề cuộc sống, đến năm 2011 thì ông N bán nhà và đi khỏi địa phương. Sau khi ông N bỏ đi bà đã tìm kiếm bằng nhiều biện pháp nhưng không có kết quả, sau đó bà đã nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B tuyên bố ông N mất tích vào ngày 04/11/2021. Từ đó đến nay bà vẫn không có tin tức gì của ông N. Nay bà N xác định không còn tình cảm nên xin được ly hôn với ông N.

Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập ông N đến Tòa làm việc nhưng ông N vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi thể hiện việc ông N không tích cực trong việc hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng, không thiết tha cuộc sống hôn nhân với bà N. Qua kết quả xác minh tại nơi cư trú ngày 25/03/2022 thì địa phương không nắm rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N và ông N.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N và ông N là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, giải quyết cho bà N được ly hôn với ông N để trả tự do cả hai là phù hợp.

- [5] Về con chung: Do ông N hiện nay đã biệt tích, không có tin tức xác thực ông N còn sống hay đã chết. Do đó, giao con chung tên Nguyễn Bùi Anh V, sinh ngày 26/10/2005 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của con và đảm bảo quyền lợi của con. Tạm thời ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do chưa có lời khai của ông N nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Bà N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.  
*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 11, 56, Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N. Bà Bùi Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Quang N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Bùi Anh V, sinh ngày 26/10/2005 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Bùi Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001114 ngày 13/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà N đã nộp xong án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự TP. B;
- VKS TP B;
- Các đương sự.
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Thúy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thúy**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Nai;*
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- T.H.A dân sự TP. B;
- VKS TP B;
- Các đương sự.
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Lưu HS, VP.

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Thúy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thúy**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự TP. B;
- VKS TP B;
- Các đương sự.
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Thúy**

